

BẢN TIN HÀNG NGÀY

11 tháng 5 năm 2026



Nhóm VIN điều chỉnh, Vn-Index giảm 19.87 điểm

- Vn-Index tăng nhẹ trong phiên sáng, nhưng chuyển sang giảm điểm trong phiên chiều, và đóng cửa giảm tới 19.87 điểm
- Họ VIN (VIC VHM VRE VPL) đều chuyển từ tăng tốt sang giảm điểm, là lý do chính khiến Vn-Index giảm
- Ngược lại, dòng tiền đẩy mạnh nhóm dầu khí, trong đó BSR tăng trần
- Họ VIX (VIX GEX GEE VSC EIB) cũng đều tăng khá tốt
- Điểm nhấn: CII tăng trần với thanh khoản cao nhất 6 tháng
- Số mã giảm gấp 2 lần số mã tăng, đa phần cổ phiếu và nhóm ngành giảm điểm
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 11.2% so với ngày trước đó

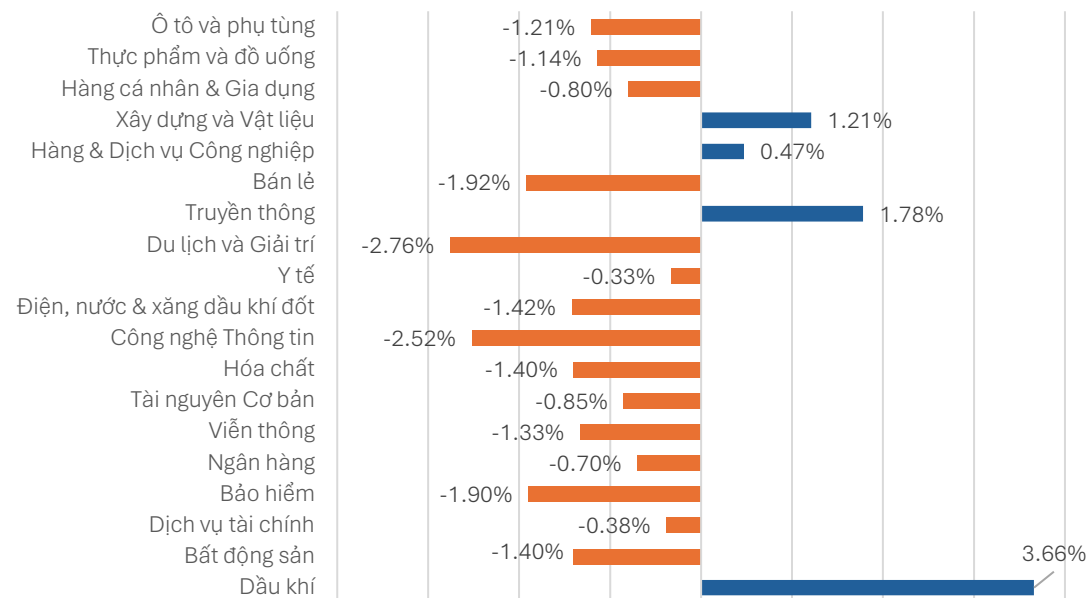


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,895.5	248.1	127.2
(+/-)	-19.87	1.57	-0.1
(%)	-1.04%	0.64%	-0.08%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	961	67	35
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	28,065	1,281	553
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(1,015)	17	16
Số mã tăng	104	61	105
Số mã giảm	213	90	129
Số mã giá không đổi	47	52	78

1.

Nhận định thị trường

- Xét trên điểm số, VN-Index gặp kháng cự tại 1,900-1,920 là vùng đỉnh cũ nên điều chỉnh hôm nay cũng là bình thường
- Riêng phiên hôm nay, thị trường giảm tới gần 20 điểm, nhưng chủ yếu do VIC VHM giảm, đa phần cổ phiếu chỉ giảm nhẹ
- Dòng tiền vẫn tìm kiếm lợi nhuận tại nhóm dầu khí và vài mã cổ phiếu như CII, nhóm GEX. Đây là tín hiệu tốt
- Nhóm chứng khoán cũng đã tăng tốt đầu ngày, chỉ giảm điểm nhẹ trong phiên chiều do Vn-Index giảm
- Đây vẫn là thời điểm để mua vào. Sẽ đến lúc dòng tiền chuyển hướng sang các nhóm ngành khác ở vùng giá thấp hơn.
- Các nhóm ngành tiềm năng là: chứng khoán, bất động sản và dầu khí



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	11.95	1.69
2	Nguyên vật liệu	13.64	1.61
3	Công nghiệp	13.58	1.85
4	Hàng Tiêu dùng	13.95	2.33
5	Dược phẩm và Y tế	16.00	1.60
6	Dịch vụ Tiêu dùng	19.87	3.64
7	Viễn thông	21.77	5.62
8	Tiện ích Cộng đồng	12.22	1.71
9	Tài chính	21.89	3.05
10	Ngân hàng	9.42	1.52
11	Công nghệ Thông tin	13.17	2.60

2.

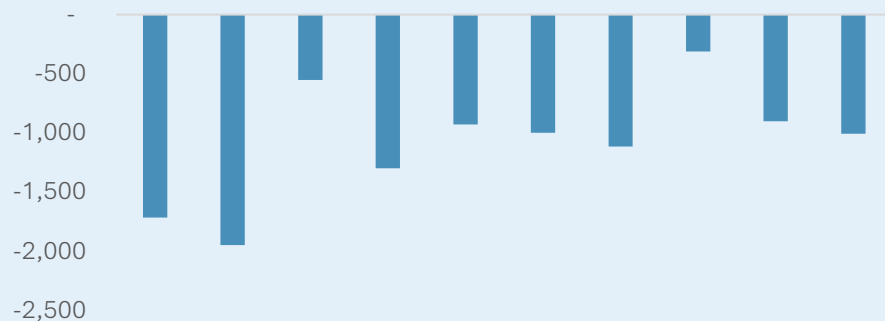
Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
EIB	2.71%	DXG	1.62%	VIX	4.03%	SAB	2.92%	CII	6.78%	PTB	1.39%	BWE	1.15%	DCM	6.72%
OCB	2.67%	SIP	1.54%	CTS	1.68%	ASM	2.31%	BMP	5.33%	DHC	-0.14%	SHP	0.88%	DPM	2.13%
LPB	1.93%	DXS	0.66%	DSE	0.45%	MCM	1.97%	PC1	3.04%	HPG	-1.28%	NT2	0.43%	VFG	0.40%
NAB	1.01%	SJS	0.53%	SSI	0.00%	VHC	0.83%	VGC	1.81%	ACG	-1.45%	CHP	0.36%	DPR	0.36%
MSB	0.00%	IJC	0.50%	AGR	0.00%	PAN	0.15%	HTI	-0.42%	NKG	-2.47%	REE	0.16%	AAA	-0.70%
TCB	-0.15%	KOS	0.26%	BCG	0.00%	SBT	0.00%	CTD	-1.04%	HSG	-2.81%	VSH	0.00%	CSV	-1.34%
ACB	-0.44%	DIG	0.00%	EVF	-0.37%	VCF	-0.03%	VCG	-1.13%			HNA	0.00%	PHR	-1.88%
VPB	-0.54%	HDC	0.00%	HCM	-1.43%	ANV	-0.21%	CTR	-1.32%			TDM	-0.35%	GVR	-2.66%
MBB	-0.57%	PDR	0.00%	VDS	-1.44%	DBC	-0.22%	HHV	-1.62%			GEG	-0.35%	DGC	-6.90%
SSB	-0.60%	NLG	-0.38%			KDC	-0.42%					POW	-0.36%		
VIB	-0.62%	QCG	-0.73%			BAF	-0.42%					PPC	-1.42%		
VCB	-0.66%	HDG	-1.00%			VNM	-0.49%					PGV	-1.46%		
SHB	-0.70%	VIC	-1.33%			BHN	-0.51%					GAS	-1.47%		
TPB	-1.56%	VHM	-1.83%			HAG	-0.60%					PGD	-3.43%		
HDB	-1.65%	BCM	-1.89%			FMC	-1.09%					TMP	-6.96%		
CTG	-1.66%	CRE	-2.00%			MSN	-3.37%								
STB	-1.77%	KDH	-2.06%												
BID	-2.12%	TCH	-2.06%												
		VPI	-2.28%												
		NVL	-2.33%												
		KBC	-3.27%												
		SZC	-3.75%												
		VRE	-6.41%												

3.

Giao dịch khối ngoại

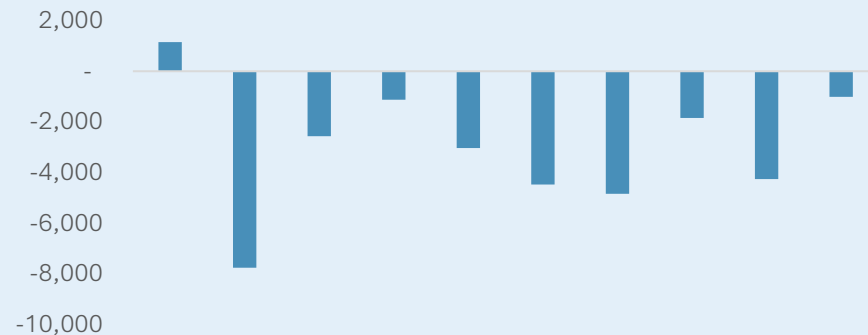
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	BSR	HOSE	189.84	57.16	132.68
2	GEE	HOSE	104.50	3.62	100.88
3	DCM	HOSE	106.16	9.22	96.94
4	GEX	HOSE	185.59	121.51	64.08
5	EIB	HOSE	45.33	2.15	43.18
6	VIC	HOSE	285.26	249.57	35.70
7	VPI	HOSE	51.13	15.46	35.67
8	VPB	HOSE	63.14	28.63	34.50
9	DXG	HOSE	38.48	4.09	34.39
10	VIX	HOSE	87.89	55.71	32.18
11	BMP	HOSE	32.71	0.76	31.95
12	MBB	HOSE	71.60	42.78	28.83
13	PVS	HNX	35.93	8.63	27.30
14	SSI	HOSE	66.87	42.37	24.50
15	CII	HOSE	40.84	16.60	24.24

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VHM	HOSE	219.60	587.62	- 368.03
2	FPT	HOSE	22.14	239.84	- 217.69
3	DGC	HOSE	12.25	201.23	- 188.98
4	ACB	HOSE	15.08	145.82	- 130.73
5	TCH	HOSE	1.16	119.66	- 118.50
6	HPG	HOSE	37.71	126.03	- 88.32
7	PLX	HOSE	16.48	101.40	- 84.92
8	TPB	HOSE	2.80	58.30	- 55.49
9	VJC	HOSE	8.19	61.67	- 53.48
10	NVL	HOSE	2.17	54.19	- 52.02
11	MSN	HOSE	42.24	90.94	- 48.71
12	STB	HOSE	14.37	62.35	- 47.98
13	DGW	HOSE	6.80	52.19	- 45.39
14	GAS	HOSE	12.68	46.00	- 33.32
15	FRT	HOSE	18.42	51.32	- 32.91

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	101.29	1.23%	-6.36%	66.46%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	95.42	0.64%	-6.40%	66.18%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,714.89	0.60%	2.17%	9.00%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,118	0.02%	0.02%	-0.01%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,373	0.02%	0.02%	-0.02%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,470	-0.11%	-0.94%	-1.30%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	5.00%	-0.72%	5.00%	3.23%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.51%	0.00%	0.01%	0.44%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.66%	0.00%	0.06%	0.48%

Tuần 4/5-8/5: NHNN bơm ròng 5.831 tỷ đồng, lãi suất qua đêm ở mức 5%.

Tuần qua từ 4/5 - 8/5, NHNN bơm ròng 5.831 tỷ đồng ra thị trường qua kênh thị trường mở. Tỷ giá trung tâm được điều chỉnh nhẹ qua các phiên. Chốt ngày 8/5, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 25.112 VND/USD, giảm 01 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Lãi suất VND liên ngân hàng chỉ có 1 phiên tăng đầu tuần rồi giảm trở lại ở tất cả các kỳ hạn. Kết thúc ngày 8/5, lãi suất VND liên ngân hàng qua đêm giao dịch ở mức 5%.

Giá dầu tăng hơn 3% trong ngày 11/05 sau khi ông Trump nói phản hồi của Iran “không thể chấp nhận được”

Sau tuyên bố của ông Trump, tính tới sáng ngày 11/05 (giờ Việt Nam), giá dầu Brent tăng hơn 3% lên trên mức 104 USD/thùng. Dầu WTI của Mỹ cũng tăng hơn 3%, giao dịch trên mức 98 USD/thùng.

5.

Bản tin doanh nghiệp



REE: REE tăng lãi 17% nhờ mảng cơ điện lạnh bất phá

CTCP Cơ điện lạnh (REE) đạt kết quả tích cực trong quý đầu năm 2026 nhờ các mảng kinh doanh chính tăng trưởng, đặc biệt là mảng cơ điện lạnh. Doanh thu thuần hơn 2.47 ngàn tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Mảng hạ tầng điện và nước vẫn đóng góp chủ lực với doanh thu hơn 1.44 ngàn tỷ đồng, tăng 8%. Mảng Cơ điện lạnh mang lại doanh thu 722 tỷ đồng, tăng tới 59%. Quý 1/2026, lãi ròng đạt 714 tỷ đồng, tăng trưởng 17%.

Ngoài ra, REE thông báo chốt quyền chia cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2025 với tỷ lệ thực hiện 15%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 18/05.



Hà Nội giảm quy mô vốn dự án trực đại lộ cảnh quan sông Hồng xuống còn 737.000 tỷ

Sáng 11/5, HĐND TP Hà Nội đã biểu quyết thông qua chủ trương đầu tư dự án trực đại lộ cảnh quan sông Hồng với quy mô sử dụng đất hơn 11.400 ha, đi qua địa bàn 16 xã. Tổng mức đầu tư sơ bộ của dự án gần 737.000 tỉ đồng, giảm 118.000 tỉ đồng so với con số được công bố tại lễ khởi công dự án hồi tháng 12-2025, thu hẹp phạm vi khỏi 3 phường và rút nội dung đầu tư tuyến metro ngầm khoảng 45 km.

Hiện dự án còn 3 nhà đầu tư tham gia liên danh gồm Địa ốc Đại Quang Minh, THACO và Tập đoàn Hòa Phát. Trước đó, 3 nhà đầu tư gồm MIK Group, Văn Phú và T&T Group đã rút khỏi liên danh.



HPA: Nông nghiệp Hòa Phát sắp chia nốt 21% cổ tức 2025

CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (HPA) thông báo chốt quyền chia cổ tức 2025 bằng tiền với tỷ lệ thực hiện 21%. Ngày chi trả dự kiến vào 03/06. Trong đó, Tập đoàn Hòa Phát (HPG) với tỷ lệ nắm giữ gần 95% sẽ nhận về khoảng 569 tỷ đồng.

Trước đó, HPA đã tạm ứng trước cổ tức 2025 với tỷ lệ 35.464%, tương đương chi gần 947 tỷ đồng.

Năm 2026, HPA dự kiến chi cổ tức với tỷ lệ 30%.

6.

Lịch sự kiện

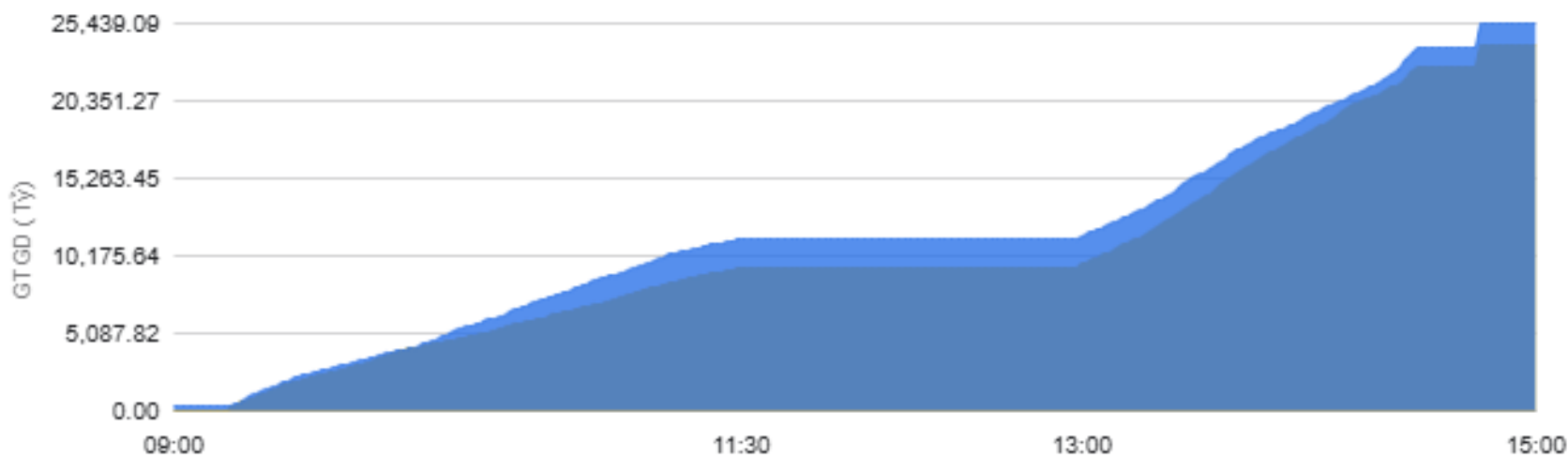
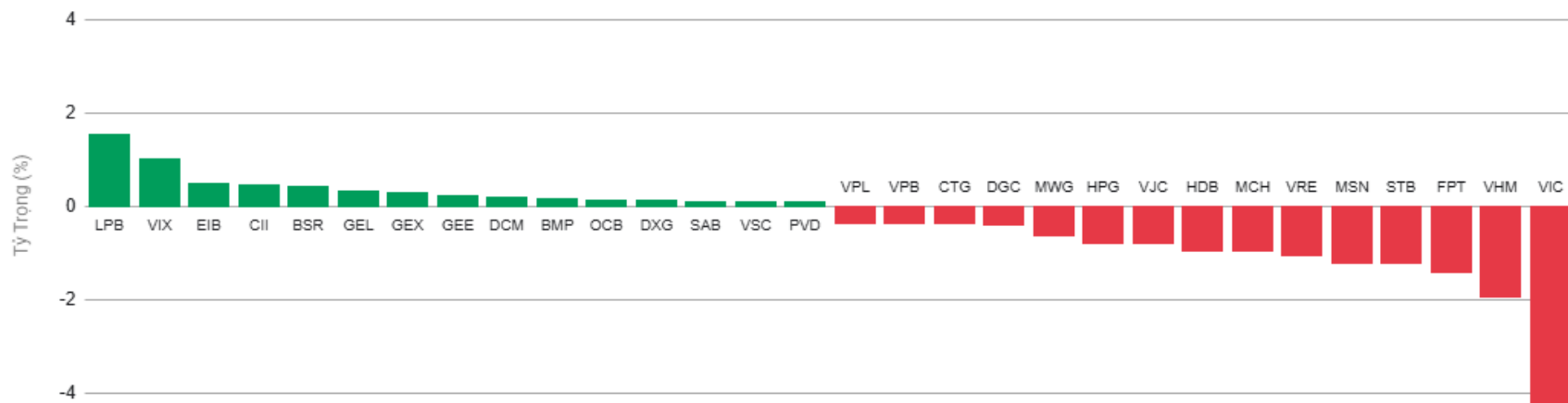
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
GMH	12/05/2026	03/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	3%	300
INN	12/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
SKN	12/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.81%	581
VDB	12/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	28.77%	2,876.58
CPH	12/05/2026	25/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.22%	2,022
DGW	13/05/2026	21/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
HPW	13/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
ICG	13/05/2026	01/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25%	2,500
MA1	13/05/2026	25/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
NTH	13/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
VSH	13/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



● Tổng GTGD Hôm Nay ● Tổng GTGD Hôm Qua

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (11/05/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	34,000	27,800	22.3%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	15,750	49.2%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	37,000	33,800	9.5%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	26,000	16.8%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	22,750	26.4%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	26,900	19.7%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	35,600	12.9%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	60,300	19.4%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	41,500	15.0%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	72,200	-18.7%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	33,700	27,000	24.8%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	12,100	2.6%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	13,800	15.6%	Link	Link
GMD	27/05/2025	27/2/2026	89,400	79,700	12.2%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	22,600	21.5%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	75,400	56,400	33.7%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (11/05/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	26,400	70.5%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	23,750	76.8%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	15,700	32.5%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,670	56.5%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	32,500	24.6%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	52,000	59.6%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	33,600	-10.7%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	161,000	-45.8%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	18,550	30.5%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	16,350	13.8%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	22,700	31.1%	Link	Link
VCG	29/8/2025	18/3/2026	23,700	21,800	8.7%	Link	Link
CTD	24/9/2025	13/3/2026	87,650	76,000	15.3%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	138,000	23.2%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	83,500	28.7%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	31,350	29.2%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	50,000	41,500	20.5%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

